

Bản án số: 79/2021/HS-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Hoàng Văn Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Văn T, Tên gọi khác: Không

Giới tính: Nam; Sinh năm 1988;

Cư trú: Tổ dân phố ĐN, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Con ông: Dương Văn C, sinh năm 1962;

Con bà: Bùi Thị Ng, sinh năm 1963;

Vợ: Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1989;

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 11/2015/HSST ngày 29/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (chấp hành xong hình phạt ngày 29/01/2017, chấp hành xong án phí ngày 18/5/2015).

- Bản án số 70/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” (T phạm tội ngày 28/3/2019).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

* *Bị hại*: Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983. Cư trú: Thôn Ch, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1970. Cư trú: Tổ dân phố số 02, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Ông Chu Văn H, sinh năm 1975. Cư trú: Thôn Ch, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1989. Cư trú: Tổ dân phố ĐN, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố ĐN, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là lái xe chuyên chở thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm cho các đại lý và người dân. Năm 2015, T mua lại chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, màu xanh, biển kiểm soát 34C- 032.06 của anh Phạm Ngọc H, trú tại thôn Hán Xuyên, xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và làm thủ tục đăng ký sang tên mình tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang, được cấp biển kiểm soát 98C-097.60. Ngày 15/6/2017, do cần vốn để làm ăn nên T đã ký kết hợp đồng bán chiếc xe ô tô này cho ông Trần Văn D, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố số 2, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với số tiền 200.000.000 đồng (hợp đồng mua bán được công chứng tại Văn phòng công chứng Hiệp Hòa). Sau đó, T đề nghị ông D cho thuê lại chiếc xe ô tô trên để có phương tiện làm ăn, ông D đồng ý cho thuê với số tiền 500.000 đồng/01 ngày và hai bên đã lập, ký hợp đồng thuê mượn ô tô. Theo hợp đồng giữa hai bên, ông D giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011191, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 04/11/2015 mang tên Dương Văn T, còn T nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và mang xe về để sử dụng. Sau khi thuê lại xe của ông D đến tháng 6/2018, T đã đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với lý do bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe gốc (T khai mục đích để sử dụng tham gia giao thông). Theo đề nghị của T, ngày 16/7/2018, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang số 035919, giữ nguyên biển số xe cũ (phần mặt sau giấy chứng nhận được đóng dấu “Đổi, Cấp lại lần thứ 1”). Đến khoảng tháng 10/2018, do cần tiền làm ăn và trả nợ, T đã đến gặp ông Chu Văn H, sinh năm

1975, trú tại Thôn Ch, xã LP, huyện Hiệp Hòa đặt vấn đề muốn bán chiếc ô tô trên với số tiền 200.000.000 đồng. Do không biết việc chiếc xe T đã bán cho ông D, cho nên ông Hồng giới thiệu cho chị Ngô Thị T2, sinh năm 1986, ở cùng thôn mua lại xe. Chị T2 thống nhất để ông Hồng đứng tên trong hợp đồng mua bán chiếc xe trên với T và sau này thay mặt Chị T2 bán xe nếu có người mua lại. Ông Hồng đồng ý và đã liên lạc với T để thống nhất việc mua bán xe. Ngày 19/10/2018, T cùng ông Hồng ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô 98C-097.60 với số tiền 200.000.000 đồng; ông Hồng giữ Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Dương Văn T do T xin cấp đổi lần 1 tại Phòng Cảnh sát giao thông (hợp đồng mua bán được chứng thực tại UBND xã LP). Quá trình giao dịch với Chị T2, ông Hồng thì T luôn khẳng định chiếc xe ô tô 98C-097.60 là của T và cam kết xe không bị cầm cầm hoặc bán cho ai khác. Chị T2 hỏi lý do tại sao giấy chứng nhận đăng ký xe lại là cấp lại lần 1 thì T nói dối do làm mất giấy đăng ký gốc nên xin cấp lại. Khi thống nhất xong việc mua bán thì T đề nghị ông Hồng, Chị T2 cho thuê lại chiếc xe ô tô trên để lấy phương tiện làm ăn và được ông Hồng, Chị T2 đồng ý. Chị T2 đã lập hợp đồng cho thuê ô tô, xe máy- Tự lái đề ngày 19/10/2018 có nội dung như hai bên đã thỏa thuận để ông Hồng và T ký, sau đó T mang xe về sử dụng. Đến khoảng tháng 3/2019, do làm ăn thua lỗ, T nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C- 097.60 cho người khác lấy tiền. Để bán được xe, ngày 05/3/2019, T đã đến Công an xã Đức Thắng (nay là thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa trình báo về việc bị mất Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để xin xác nhận của Công an xã rồi đến Phòng Cảnh sát giao thông làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô lần 2. Sau khi T có được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cấp lại lần 2, theo T khai T đã bán chiếc xe ô tô này cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 350.000.000 đồng. T đã giao xe cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 98C- 097.60 cấp lại lần 2, bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của T và ký giấy mua bán xe (viết tay) cho người mua xe. Sau đó, T sử dụng số tiền bán xe vào việc trả nợ cho một số người khác. Thời gian sau, ông D và Chị T2 không thấy T thanh toán tiền thuê xe như đã thỏa thuận nên đã liên lạc với T để đòi xe thì được T cho biết là đã bán chiếc xe ô tô trên cho người khác. Ông D và chị Thuỷ đã làm đơn tố cáo T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà và giao nộp các tài liệu có liên quan.

Các ngày 07/7/2020, 22/8/2020 và 11/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra các quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ ký của Dương Văn T trên các tài liệu do ông Trần Văn D, chị Ngô Thị T2 giao nộp và do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp. Tại các bản Kết luận giám định số 883/KL-PC54 ngày 15/7/2020; 1115/KL-PC54 ngày 26/8/2020 và 457/KL-PC54 ngày 17/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận như sau:

- “Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết “T” và chữ viết dưới mục “Bên bán xe (bên A)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (tức Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 15/6/2017), chữ viết dưới mục “Bên thuê (mượn) xe” tài liệu cần giám định

ký hiệu A2 (tức Hợp đồng thuê mượn ô tô, xe máy đề ngày 03/9/2017) và chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4 (tức Giấy biên nhận và Bản cam kết đề ngày 22/5/2019) so với chữ viết của Dương Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra”.

- “Chữ ký (dạng chữ viết) mang tên “T – Dương Văn T” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (tức Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 19/10/2018); chữ viết dưới mục “BÊN THUÊ XE (Gọi tắt là bên B), “ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN THUÊ XE)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (tức Hợp đồng thuê ô tô, xe máy – tự lái đề ngày 19/10/2018) so với chữ viết của Dương Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra”.

- “Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết “T - Dương Văn T” tại mục “Chủ xe” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (tức Giấy khai đăng ký xe của Dương Văn T đề ngày 14/6/2018 và Giấy khai đăng ký xe của Dương Văn T đề ngày 05/3/2019); chữ viết mực xanh trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (tức Đơn trình báo của Dương Văn T) so với chữ viết của Dương Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký, viết ra; “Chúng nhận đăng ký xe ô tô” số 011191, mang tên chủ xe Dương Văn T, biển số đăng ký 98C- 097.60, cấp ngày 04/11/2015 và “Chúng nhận đăng ký xe ô tô” số 035919, mang tên chủ xe Dương Văn T, biển số đăng ký 98C- 097.60, cấp ngày 16/7/2018 gửi giám định là thật, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa”.

Ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Yêu cầu định giá tài sản số 34/YCDG. Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 03/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C - 097.60 có đặc điểm nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI HD72, màu sơn: xanh, số máy D4DBC512316, số khung 50AKCC001495 trị giá 110.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO, số khung: RNHC350AKCC001495, số máy: D4DBC512316, biển kiểm soát 98C-097.60 nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 09 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

- Bị hại là chị Ngô Thị T2 và anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh chị đã nghe rõ lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo khai như vậy là đúng. Số tiền 200.000.000 đồng mà Chị T2 dùng để mua xe ô tô của bị cáo là tài sản chung của vợ chồng anh chị nhưng hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe thì do ông Chu Văn H đứng tên. Bị cáo cùng gia đình đã trả cho anh chị số tiền 140.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn về trách nhiệm dân sự thì anh chị

không yêu cầu giải quyết trong vụ án mà để các bên tự thỏa thuận thương lượng với nhau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn D trình bày: Ông có mua chiếc xe ông tô tải biển kiểm soát 98C- 097.60 của bị cáo Dương Văn T với giá 200.000.000 đồng. Sau đó ông cho bị cáo thuê xe. Được một thời gian ông không thấy T thanh toán tiền thuê xe như đã thỏa thuận nên đã liên lạc với T thì T cho biết là đã bán xe cho người khác. Ông đã làm đơn tố cáo T đến cơ quan Công an huyện Hiệp Hòa. Nay gia đình bị cáo đã trả cho ông số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại ông đồng ý để cho bị cáo trả dần. Ông đã có đơn xin rút nội dung tố cáo đối với T, đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý về hình sự đối với T. Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên quan điểm, không đề nghị xử lý về hình sự đối với bị cáo T, không yêu cầu bị cáo T bồi thường về dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Hồng T1 trình bày: Chị là vợ của bị cáo T. Vợ chồng chị có tài sản chung là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C- 097.60. Việc bị cáo đã bán chiếc xe cho ông D và Chị T2 như thế nào thì chị không biết. Chị biết chiếc xe bị cáo đã bán cho người không quen biết, hiện không thu hồi lại được. Hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan gì đến chị. Hiện nay gia đình chị cùng bị cáo đã trả cho ông D số tiền 150.000.000 đồng và trả cho Chị T2 số tiền 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa và một số tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

1- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54; điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 1: 353163110151833, số IMEI 2: 353163111151832 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011191, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 04/11/2015 mang tên Dương Văn T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035919, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 16/7/2018 mang tên Dương Văn T.

3- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Dương Văn T có chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 98C-097.60. Ngày 15/6/2017, T đã bán xe cho ông Trần Văn D, đồng thời giao giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu chiếc xe cho ông D quản lý sau đó thuê lại chiếc xe để sử dụng. Mặc dù chiếc xe không còn thuộc quyền sở hữu của mình, nhưng T đã dùng thủ đoạn gian dối đối với ông Chu Văn H và chị Ngô Thị T2 bằng cách sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe xin cấp đổi lần 1 không đúng với thực tế; nói dối xe thuộc quyền sở hữu của mình để bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C-097.60 cho Chị T2 vào ngày 19/10/2018, sau đó thuê lại xe và báo mất giấy chứng nhận đăng ký rồi xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe lần 2 để bán chiếc xe ô tô cho người khác; chiếm đoạt của chị Ngô Thị T2 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Thấy cần thiết phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử và bị cải tạo giáo dục nhiều lần.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Dương Văn T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

bản thân bị cáo là người trực tiếp thờ cúng liệt sĩ là bố vợ (bố đẻ chị Tĩnh) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7]. Từ những nhận định trên đây, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật và có ích cho xã hội. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết do bị hại không yêu cầu.

[9]. Đối với hành vi Dương Văn T thuê xe của ông D sau đó bán cho Chị T2: Sau khi biết sự việc trên thì ông D và T đã thống nhất là T sẽ chuộc lại xe để trả cho ông D hoặc nếu không trả lại xe thì trả cho ông D số tiền 200.000.000 đồng. Đến nay, gia đình T đã trả cho ông D số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại ông D đồng ý cho T trả dần. Ngày 14/4/2021, ông D có đơn xin rút nội dung tố cáo và đề nghị không xử lý hình sự đối với T. Xét thấy, trong vụ án này T đã bị khởi tố điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với ông Hồng, Chị T2, mặt khác giữa ông D và T đã thỏa thuận được về việc trả nợ. Do vậy cơ quan điều tra không xem xét xử lý hành vi này của T.

[10]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần xử lý:

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 1: 353163110151833, số IMEI 2: 353163111151832 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011191, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 04/11/2015 mang tên Dương Văn T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035919, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 16/7/2018 mang tên Dương Văn T.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54; điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 1: 353163110151833, số IMEI 2: 353163111151832 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011191, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 04/11/2015 mang tên Dương Văn T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035919, biển số đăng ký 98C-097.60, cấp ngày 16/7/2018 mang tên Dương Văn T.

3- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5- Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuyên